

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 13-02-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thào A Sinh, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản Na, xã MB, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn I, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Na, xã MB, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 28/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã MB, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Lò Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn I.

Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017. Hiện tại cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L đang ở với anh Lò Văn I.

Chị Lò Thị M có nơi cư trú ổn định, có thu nhập nhưng chị Minh thường xuyên đi làm thuê xa. Chị Lò Thị M đề nghị anh Lò Văn I được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017 mỗi tháng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị M cam đoan không có nợ chung.

Trong đơn bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lò Văn I trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn I và chị Lò Thị M kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 28/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã MB, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh Im nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Về con chung: Anh Lò Văn I và chị Lò Thị M có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017. Hiện tại cháu Lò Văn B và Lò Hoàng L đang ở với anh Lò Văn I.

Anh Lò Văn I đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn I đề nghị chị Lò Thị M cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017 mỗi tháng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn I cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 23/12/2025 tại Bản Na, xã MB, tỉnh Sơn La, xác định: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I có hộ khẩu thường trú tại Bản Na, xã MB, tỉnh Sơn La, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã MB, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện nay anh I và chị M đã sống ly thân. Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017. Hiện tại cháu Lò Văn B và Lò Hoàng L đang ở với anh Lò Văn I. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Chị Lò Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lò Văn I có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh I giữ nguyên yêu cầu ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Văn B và Lò Hoàng L đều có nguyện vọng là ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Lò Văn I.

Về con chung: Giao cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017 cho anh Lò Văn I trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017, mức cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/ tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Lò Văn I cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lò Thị M yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn I có địa chỉ tại Bản Na, xã MB, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị M, bị đơn anh Lò Văn I đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 28/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã MB, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Minh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn I, anh Lò Văn I nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Minh và anh Im lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Lò Văn I. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I có 02 (hai) con chung: Cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017. Hiện tại cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L ở với anh Lò Văn I.

Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I đều có ý kiến giao cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L cho anh Lò Văn I được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I đều có nơi cư trú rõ ràng, chị Lò Thị M thường xuyên đi làm thuê xa. Anh Lò Văn I trông trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Anh Lò Văn I là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L từ năm 2024 cho đến nay.

Ý kiến cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L đều có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017 cho anh Lò Văn I trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn I đều yêu cầu chị Lò Thị M cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lò Thị M đi làm thuê, có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lò Thị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017, mức cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu Lò Văn B và cháu Lò Hoàng L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh Lò Văn I nhất trí là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Lò Văn I cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị M có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị M là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị M.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Lò Thị M đối với anh Lò Văn I.

Xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Lò Văn I.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017 cho anh Lò Văn I trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lò Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lò Văn B, sinh ngày 04/7/2015 và cháu Lò Hoàng L, sinh ngày 03/8/2017, mức cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu Lò Văn B và cháu Lò Gia Hưng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Lò Văn I cam đoan không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Lò Thị M.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị M, anh Lò Văn I được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đường sự;
- UBND xã MB, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng

